

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HSST
Ngày: 20-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;
2. Bà Đinh Thu Thanh.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 20/10/1998, tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: tổ A, phường TB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: anh Lê Xuân L (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn Đ (có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Vũ Văn H (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hải Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/5/2020, anh Lê Xuân L, sinh năm 1971, trú tại tổ A, phường TB, thành phố TĐ đến cây ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh TĐ rút số tiền 20.000.000 đồng về trả cho khách hàng. Sau khi rút xong anh L mang tiền về xưởng sửa chữa ô tô tại tổ B, phường TB, thành phố Tam Điệp và bỏ thêm 01 tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng vào tập tiền vừa rút rồi lấy dây chun buộc lại; sau đó anh L mang tập tiền vào phòng nghỉ của công nhân (loại phòng tự chế, được làm bằng thùng xe container có diện tích (6 x 2,3 x 1,86)cm; dọc phòng có kê phản gỗ, trên phản gỗ có trải các chiếu trúc là vị trí nằm của công nhân) để tập tiền trên chiếu trúc rồi ra xi nhan xe cho khách. Nguyễn Ngọc M là công nhân học việc tại xưởng. Chiều ngày 23/5/2020, M làm việc ở xưởng cùng các công nhân khác, đến 17 giờ 30 phút cùng ngày M đi tắm, thay quần áo và lấy xe về thì phát hiện bỏ quên chiếc áo trong phòng tắm gần vị trí phòng nghỉ của công nhân nên quay lại lấy. Khi đi qua phòng nghỉ, M nhìn thấy tập tiền của anh L để trên chiếu trúc, lúc lấy áo quay ra M vẫn thấy tập tiền để trên chiếu nên nảy sinh ý định lấy trộm số tiền đó. M đến gần cửa phòng nghỉ của công nhân, chân phải đứng ở bậc lên xuống, chân trái M bước lên sàn cạnh cửa phòng nghỉ, tay trái M chống xuống sàn của phòng rồi choài người về phía tập tiền dùng tay phải lấy tập tiền, rồi cuộn theo chiều dọc bỏ vào túi quần phía trước bên phải đang mặc, sau đó M lấy xe mô tô BKS: 35H6 – 1317 điều khiển xe đi về nhà M cất giấu số tiền vừa lấy trộm được ở chiếc giá để giày dép ở góc phòng ngủ tầng 02 của gia đình. Anh L sau khi xi nhan xe ô tô cho khách xong quay vào phòng nghỉ của công nhân phát hiện bị mất số tiền 20.200.000 đồng nên đã trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp.

Tối ngày 23/5/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp thu giữ tại vị trí giá để giày dép trong góc phòng ngủ tầng 2 nhà anh Nguyễn Văn Đ (bố đẻ M) 01 tập tiền 20.200.000 đồng được buộc bằng dây chun; ngoài ra còn thu giữ chiếc xe mô tô BKS: 35H6 – 1317.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 01 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc M và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M từ 12 tháng đến 15

tháng tù, cho thưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 20.200.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại cho anh Lê Xuân L.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 35H6 - 1317 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả cho anh Nguyễn Văn Đ.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Xuân L đã nhận lại đầy đủ số tiền 20.200.000 đồng bị cáo Nguyễn Ngọc M chiếm đoạt, không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo cho rằng bị truy tố là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại anh Lê Xuân L đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp nên không có yêu cầu đề nghị gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Ngọc M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ xác nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô BKS: 35H6 - 1317 và không có yêu cầu gì.

Người làm chứng anh Vũ Văn H khai anh là công nhân của xưởng sửa chữa ô tô Xuân L, vào khoảng hơn 17 giờ ngày 23/5/2020 anh và anh L là chủ xưởng sửa chữa đi ra phía trước cửa xưởng để xin nhan hướng dẫn cho xe ô tô đi ra khỏi xưởng. Sau khi hướng dẫn cho xe ra khỏi cửa thì anh L vào phòng nghỉ của công nhân và kêu mất số tiền 20.200.000 đồng và trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL 93 đến BL 96), sơ đồ hiện trường (BL97 đến BL98) và các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: ngày 23/5/2020, tại xưởng sửa chữa ô tô tại tổ B, phường TB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình, lợi dụng sở hữu của anh Lê Xuân L để tập tiền trên chiếu trúc tại phòng nghỉ của công nhân (loại phòng tự chế, được làm bằng thùng xe container) và không có người trông coi, bị cáo Nguyễn Ngọc M đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 20.200.000 đồng để tiền tiêu sài cá nhân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:”

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích chiếm đoạt lấy tiền tiêu sài cá nhân như đã nêu trên là trái phép, là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, thể hiện thái độ coi thường pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

[5] Về nhân thân: Nguyễn Ngọc M là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần áp dụng loại hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn và có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình

sự, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng với hành vi phạm tội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Anh Nguyễn Văn Đ là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô BKS: 35H6 - 1317 đã cho bị cáo mượn dùng để đi làm nhưng không biết bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô BKS: 35H6 - 1317 cho anh Nguyễn Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 20.200.000 đồng là tài sản bị cáo trộm cắp, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Lê Xuân L. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại cho anh Lê Xuân L là đúng pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Xuân L đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị cáo trộm cắp và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc M **15 (mười lăm)** tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là **30 (ba mươi)** tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 20/7/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc M cho Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố

TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/7/2020. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Cơ quan Điều tra CATP Tam Điệp;
- Cơ quan THA hình sự CATP Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- Bị cáo;
- Bị hại ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bích Hồng

